

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ VỊ THANH
TỈNH HẬU GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 103/2018/DS-ST

Ngày: 26/4/2018

V/v: Tranh chấp thực hiện nghĩa vụ tài sản do người chết để lại.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VỊ THANH, TỈNH HẬU GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Trinh

Các Hội thẩm Nhân dân:

Ông Nguyễn Khải Hoàng

Ông Nguyễn Thanh Liêm

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Ngọc Dung - Thư ký Tòa án Nhân dân thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát Nhân dân thành phố Vị Thanh tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Hồng Thắm - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 4 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 06/2018/TLST-DS ngày 18 tháng 01 năm 2018 về tranh chấp thực hiện nghĩa vụ tài sản do người chết để lại, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 44/2018/QĐXX-ST ngày 02 tháng 3 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 57/2018 ngày 02 tháng 4 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Lâm Văn T

Địa chỉ: Ấp 2, xã Vị Tân, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang. (Có mặt)

- Bị đơn:

1. Bà Trần Thị T.A (Có mặt);

2. Ông Trần Hữu N (Vắng mặt);
3. Ông Trần H.N (Vắng mặt);
4. Ông Trần Hữu L (Vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp 2, xã Vị Tân, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện gửi Tòa án và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, ông Lâm Văn T trình bày:

Vào ngày 30/10/2006 ông Trần Ngọc A có nợ tiền thức ăn gia súc của ông Lâm Văn T là 8.000.000 đồng, lãi suất 0,2%/tháng, nếu đến hết tháng 11/2006 ông A chưa thanh toán nợ cho ông T thì lãi suất sẽ là 2%/tháng. Tuy nhiên, sau khi hết thời hạn nêu trên và cho đến nay ông A vẫn chưa thanh toán nợ cho ông T. Hiện tại ông A đã chết nên ông T yêu cầu hàng thừa kế thứ nhất của ông A là bà A, ông N, ông H.N và ông L phải trả cho ông T toàn bộ số nợ gốc và lãi tạm tính từ ngày 30/10/2006 đến ngày 30/11/2017 là 17.280.000 đồng.

Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn trình bày: Ông T yêu cầu bà A, ông N, ông H.N và ông L phải trả cho ông T 8.000.000 đồng tiền gốc và tiền lãi tính từ ngày 30/10/2006 đến 30/3/2018 là 137 tháng với số tiền lãi là 8.220.000 đồng. Trước đó bà Anh đã trả lãi được 1.000.000 đồng nên số tiền lãi còn lại là 7.220.000 đồng.

Bị đơn bà Trần Thị T.A trình bày: Vào khoảng năm 2001 chồng bà là ông Trần Ngọc A có nợ tiền thức ăn gia súc của ông Lâm Văn T là 8.000.000 đồng, sau khi ông A chết ông T có yêu cầu bà A trả cho ông T toàn bộ số tiền trên. Nhưng do hoàn cảnh khó khăn bà A xin trả dần cho ông T mỗi tháng là 300.000 đồng. Tại phiên tòa bà A vẫn giữ nguyên các lời khai ban đầu.

Các bị đơn ông Trần Hữu N, ông Trần H.N, ông Trần Hữu L không chấp hành theo giấy triệu tập của Tòa án trong suốt quá trình giải quyết vụ án và cũng không gửi văn bản thể hiện ý kiến về việc tranh chấp nên Tòa án chưa ghi nhận được ý kiến gì.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vị Thanh tại phiên tòa phát biểu: Việc thu thập chứng cứ từ khi thụ lý vụ án của Thẩm phán, việc mở và điều khiển phiên tòa của Hội đồng xét xử tại phiên tòa là tuân thủ đúng pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 428; 438, 637 Bộ luật dân sự 2005, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Án phí dân sự bị đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Theo đơn khởi kiện và các chứng cứ trong hồ sơ vụ án cho thấy giữa nguyên đơn và các bị đơn có tranh chấp về việc thực hiện nghĩa vụ tài sản do người chết để lại. Tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Vị Thanh theo quy định tại Khoản 14 Điều 26; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Đối với các bị đơn ông Trần Hữu N, ông Trần H. N, ông Trần Hữu L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các bị đơn ông Trần Hữu N, ông Trần Hữu N, ông Trần Hữu L.

[2] Về việc xác lập và thực hiện hợp đồng mua bán giữa nguyên đơn và ông Trần Ngọc A: Ông T cung cấp cho Tòa án biên nhận ngày 30/10/2006 với nội dung ông A có nợ ông T số tiền thức ăn gia súc là 8.000.000 đồng, lãi suất chậm trả là 0.2%/tháng nếu đến hết tháng 11/2006 mà ông A không trả thì lãi suất là 2%/tháng và có chữ ký của ông A. Trong biên bản hòa giải tại Ủy ban N dân xã, bản tự khai cũng như tại phiên tòa bị đơn bà Trần Thị T.A đều thừa nhận lúc còn sống chồng bà là ông Trần Ngọc A có nợ tiền thức ăn gia súc của ông Lâm Văn T với số tiền 8.000.000 đồng. Như vậy, có đủ cơ sở xác định việc ông A có nợ tiền thức ăn gia súc của ông T là có thật. Vì vậy, ông A phải có trách nhiệm thanh toán tiền thức ăn cho ông T. Tuy nhiên, theo bà T.A thì ông A mất vào năm 2017, sau khi ông A chết di sản thừa kế của ông A chưa chia và bà T.A đang quản lý di sản. Theo biên bản xác minh ngày 02/3/2018 và trong biên bản ghi lời khai cũng như tại phiên tòa bà T.A khai nhận, ông A có đứng tên quyền sử dụng đất số 07, tờ bản đồ số 56, diện tích 4.161,4m² và căn nhà cấp 4 được xây dựng trên thửa đất số 07. Như vậy di sản ông A để lại gồm căn nhà và quyền sử dụng đất, tại phiên tòa bà Anh cũng khẳng định di sản ông A để lại có giá trị lớn hơn rất nhiều so với số nợ ông A nợ ông T. Bà T.A và các bị đơn khác gồm ông N, ông N, ông L là những người thừa kế của ông A, di sản thừa kế của ông A chưa được chia và những người thừa kế không có thoả thuận về việc trả nợ cho ông T, cho nên

các đồng thừa kế của ông A là bà T.A, ông N, ông N, ông L phải có trách nhiệm liên đới thanh toán số tiền nợ thức ăn cho ông T.

[3] Trong biên nhận ngày 30/10/2006 thể hiện lãi suất chậm thanh toán từ tháng 11/2006 cho đến ngày thanh toán xong số tiền nợ là 2%/tháng, tuy nhiên mức lãi suất này vượt quá quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử điều chỉnh lại theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tại thời điểm xét xử là 0.75%/tháng. Như vậy kể từ ngày 30/10/2006 đến ngày 30/3/2018 là 137 tháng, số tiền lãi cụ thể là 137 tháng x 0.75% x 8.000.000 đồng = 8.220.000 đồng. Tại phiên tòa nguyên đơn thừa nhận bị đơn đã trả lại 1.000.000 đồng cho nên số tiền lãi còn lại là 7.220.000 đồng. Tổng số nợ các bị đơn phải trả cho nguyên đơn là 15.220.000 đồng.

[4] Từ những phân tích đánh giá như nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Án phí dân sự sơ thẩm buộc các bị đơn phải chịu toàn bộ theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Các Điều 26, 35, 39, Điều 147 và 228 của Bộ luật tố tụng dân sự. Các Điều 428; 438; 634; 635; 637; 676 Bộ luật dân sự 2005. Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Lâm Văn T.
2. Buộc bà Trần Thị T.A, ông Trần Hữu N, ông Trần H. N và ông Trần Hữu L có trách nhiệm liên đới trả cho ông Lâm Văn T tổng số tiền là 15.220.000 đồng (Mười lăm triệu hai trăm hai mươi nghìn đồng).

“Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.”

3. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Buộc bà Trần Thị T.A, ông Trần Hữu N, ông Trần H.N và ông Trần Hữu

L có trách nhiệm liên đới phải nộp là: 761.000 đồng (Bảy trăm sáu mươi một nghìn đồng).

Ông Lâm Văn T được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 632.000 đồng (Sáu trăm ba mươi hai nghìn đồng) theo biên lai thu số 0012719 ngày 18 tháng 01 năm 2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang.

4. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt bản án hợp lệ

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi N:

- VKSND TP Vị Thanh;
- Chi cục THADS TP Vị Thanh;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM, HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Huỳnh Thị Trinh